

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ - NĂM 2018

1. Thông tin về Trường Đại học Kinh tế

1.1. Thông tin chung về Trường Đại học Kinh tế

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

Website: <http://due.udn.vn/>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ của Trường DHKT (tính đến tháng 12/2017)

STT	Ngành đào tạo	Số lượng Nghiên cứu sinh
1	Kế toán	29
2	Kinh tế phát triển	24
3	Quản trị kinh doanh	31
4	Tài chính - Ngân hàng	6
5	Kinh tế công nghiệp	5
TỔNG CỘNG		95

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

2.1.1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.

2.1.2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện (có chỉ số ISSN) trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2.1.3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (tham khảo Phụ lục);

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

2.1.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

STT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh	9340101	20
2	Kế toán	9340301	16
3	Kinh tế phát triển	9310105	16
4	Tài chính Ngân hàng	9340201	16

2.3. Danh mục ngành đúng, ngành gần

STT	Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ	Mã số	Chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần
1	Quản trị kinh doanh	9340101	Chuyên ngành phù hợp và gần: Quản trị Kinh doanh (tổng quát; thương mại; dịch vụ, marketing, nguồn nhân lực, chất lượng...); kinh doanh quốc tế.
2	Kế toán	9340301	Chuyên ngành phù hợp: Kiểm toán,

			Chuyên ngành gần: Tài chính, Ngân hàng.
3	Kinh tế phát triển	9310105	Ngành phù hợp: Kinh tế phát triển, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế công và Kinh tế lao động. Kế hoạch và đầu tư.
			Ngành gần: các ngành thuộc khối kinh doanh-quản lý, Thông kê, Kinh tế các ngành, Tài chính ngân hàng, Kế toán.
4	Tài chính Ngân hàng	9340201	Ngành phù hợp: Tài chính ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính-tiền tệ, Chứng khoán, Đầu tư tài chính, Tài chính công, Tài chính nhà nước.
			Ngành gần: Quản trị kinh doanh, kế toán.

2.4. Danh mục các học phần bổ sung

- Người tốt nghiệp thạc sĩ ngành đúng và ngành gần đều có thể dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Tùy vào thời gian tốt nghiệp thạc sĩ, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, hướng nghiên cứu của luận án, sau khi đã trúng tuyển, nhà trường sẽ xác định số học phần và khối lượng tín chỉ mà nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

2.5. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường ĐHKT

- Các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai: Xem mục 4.2
- Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu:
 - + Các nghiên cứu sinh được sử dụng thư viện, cơ sở vật chất của nhà trường, cơ sở dữ liệu điện tử Stockplus để phục vụ nghiên cứu.
 - + Nghiên cứu sinh được bố trí chỗ làm việc tại Phòng Nghiên cứu của nhà trường và được sử dụng cơ sở vật chất, tiện nghi của không gian này.
 - + Nghiên cứu sinh được ưu tiên tham gia các chương trình trao đổi ngắn hạn tại nước ngoài theo các dự án hợp tác quốc tế;
 - + Đối với nghiên cứu sinh hệ tập trung liên tục (học tập và nghiên cứu toàn thời gian tại nhà trường): căn cứ theo đề cương nghiên cứu, năng lực học tập và nghiên cứu, cam kết cá nhân, nhà trường sẽ xét duyệt và hỗ trợ mức kinh phí 5 triệu đồng/tháng/nghiên cứu sinh.

2.6. Tổ chức tuyển sinh: Tuyển sinh 2 lần 1 năm theo đợt tuyển sinh sau đại học của ĐHĐN.

2.7. Học phí:

- Đối với khóa tuyển sinh đợt 1 năm 2018 (khóa 37): 30 triệu/năm.
- Đối với khóa tuyển sinh đợt 2 năm 2018 (khóa 38): 35 triệu/năm.

3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hệ tập trung liên tục: 3 năm tập trung liên tục đối với NCS có bằng thạc sĩ, 4 năm tập trung liên tục đối với NCS có bằng đại học.

- Hệ không tập trung liên tục: Trường hợp NCS có bằng thạc sĩ không theo học tập trung liên tục được thì NCS phải đăng ký thực hiện và đảm bảo tổng thời gian học tập trong vòng 4 năm (thời gian này không bao gồm thời gian học bổ sung các học phần cao học nếu NCS thuộc đối tượng phải học bổ sung), trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

STT	Loại phòng	Số phòng	Diện tích (m ²)
1.	Hội trường/giảng đường/phòng học:		
	Phòng học	88	18142
	Phòng máy tính	4	700
	Phòng học ngoại ngữ	0	0
	Phòng nhạc, họa	0	0
2.	Thư viện/Trung tâm học liệu:		
	Thư viện	8	2365
3.	Phòng thí nghiệm:		
	Số phòng	0	0
4.	Xưởng thực tập, thực hành:		
	Số phòng	0	0
5.	Nhà tập đa năng:		
	Số phòng	1	950
6.	Nhà ở học sinh (ký túc xá):		
	Số phòng	140	8010
7.	Diện tích khác		

	Bể bơi : Diện tích	0	0
	Sân vận động:	1	5000
8.	Phòng tự học	3	400

b. Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
- Số máy tính sử dụng được	580	
- Số máy tính nối mạng ADSL	580	
- Số máy Projector	63	Các học phần lý thuyết
- Số máy photocopy	20	
- Số đầu sách	9843	Tất cả các học phần lý thuyết
- Số quyển sách	32144	Tất cả các học phần lý thuyết
- Số giáo trình đã nghiệm thu	19	

c. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 2.365 m² trong đó diện tích phòng đọc: 2.365 m²
- Số chỗ ngồi: 343 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 10 máy
- Phần mềm quản lý thư viện: Lacviet vebrary 4.0
- Thư viện điện tử thuvien.due.edu.vn, đã kết nối với CSĐT trong và ngoài nước qua phần mềm DSpace; Số lượng sách, giáo trình điện tử 173 đầu.

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành:

STT	Hướng đề tài nghiên cứu nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, trình độ, chức danh người thực hiện hướng nghiên cứu
NGÀNH KẾ TOÁN		
1	Thiết lập chuẩn mực kế toán trong bối cảnh kinh tế chuyển đổi: trường hợp của Việt Nam	PGS.TS. Ngô Hà Tấn PGS.TS. Nguyễn Công Phương PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên
2	Chính sách kế toán của doanh nghiệp	GS.TS. Trương Bá Thanh PGS.TS. Ngô Hà Tấn PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên PGS.TS. Nguyễn Công Phương TS. Đoàn Thị Ngọc Trai